

**THÔNG BÁO**  
**Tóm tắt đề án tuyển sinh năm 2023**

**1. Thông tin chung**

**1.1. Tên cơ sở đào tạo:** Trường Đại học Thủy lợi

**1.2. Mã tuyển sinh cơ sở đào tạo:** TLA

**1.3. Địa chỉ trụ sở:** Số 175 Tây Sơn, Quận Đống Đa, Hà Nội

**1.4. Địa chỉ trang thông tin điện tử của cơ sở đào tạo:** <http://www.tlu.edu.vn>

**1.5. Địa chỉ facebook:** <https://www.facebook.com/daihocthuyloi1959>

**1.6. Liên hệ tuyển sinh:** 0243.5631537 hoặc email: tuyensinh@tlu.edu.vn

**2. Tuyển sinh chính quy trình độ đại học**

**2.1. Đối tượng tuyển sinh**

Thí sinh có đủ điều kiện tham gia tuyển sinh theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

**2.2. Phạm vi tuyển sinh:** Tuyển sinh trong cả nước.

**2.3. Phương thức tuyển sinh**

**2.3.1. Phương thức xét tuyển thẳng**

Thí sinh đoạt giải nhất, nhì, ba trong kỳ thi chọn học sinh giỏi quốc gia, quốc tế hoặc thi khoa học, kỹ thuật cấp quốc gia, quốc tế do Bộ Giáo dục và Đào tạo (GD&ĐT) tổ chức, cử tham gia; thời gian đoạt giải không quá 3 năm tính tới thời điểm xét tuyển thẳng đã tốt nghiệp THPT được xét tuyển thẳng vào trường theo ngành phù hợp với môn thi. Cụ thể như sau:

TT	Tên môn thi HSG/ Nội dung đề tài dự thi	Tên ngành xét tuyển
1	Toán, Vật lý, Tiếng Anh	Tất cả các ngành
2	Hóa học	Tất cả các ngành; trừ các ngành: Ngôn ngữ Anh, Ngôn ngữ Trung Quốc, Luật, Luật kinh tế
3	Sinh học	Kỹ thuật môi trường, Kỹ thuật hóa học, Công nghệ sinh học

TT	Tên môn thi HSG/ Nội dung đề tài dự thi	Tên ngành xét tuyển
4	Tin học	Công nghệ thông tin, Hệ thống thông tin, Kỹ thuật phần mềm, Trí tuệ nhân tạo và khoa học dữ liệu, An ninh mạng, Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa, Kỹ thuật robot và điều khiển thông minh, Kỹ thuật điện tử viễn thông, Kỹ thuật cơ điện tử
5	Ngữ văn	Ngôn ngữ Anh, Ngôn ngữ Trung Quốc, Luật, Luật kinh tế
6	Lịch sử, Địa lý	Luật, Luật kinh tế
7	Tiếng Trung Quốc	Ngôn ngữ Trung Quốc

### 2.3.2. Phương thức xét tuyển dựa vào kết quả học THPT (học bạ)

- Xét tuyển dựa vào tổng điểm trung bình **năm lớp 10, năm lớp 11 và học kỳ 1 năm lớp 12** các môn trong tổ hợp xét tuyển tương ứng (thí sinh đã tốt nghiệp trước tháng 03/2023 cũng tính 05 học kỳ như trên).

#### Cách tính Điểm xét tuyển (ĐXT):

$$\text{ĐXT} = \text{điểm M1} + \text{điểm M2} + \text{điểm M3} + \text{ĐU\acute{T}} + \text{Đi\acute{e}m c\acute{o}ng XT}$$

Riêng các ngành Ngôn ngữ Anh, Ngôn ngữ Trung Quốc: Môn ngoại ngữ nhân hệ số 2, điểm xét tuyển quy về thang điểm 30 được tính như sau:

$$\text{ĐXT} = \frac{\text{đi\acute{e}m M1} + \text{đi\acute{e}m M2} + \text{đi\acute{e}m Ngoại ngữ}*2}{4} * 3 + \text{ĐU\acute{T}} + \text{Đi\acute{e}m c\acute{o}ng XT}$$

#### Trong đó:

- + M1 = (TB cả năm lớp 10 môn 1 + TB cả năm lớp 11 môn 1 + TB kỳ 1 lớp 12 môn 1)/3;
- + M2 = (TB cả năm lớp 10 môn 2 + TB cả năm lớp 11 môn 2 + TB kỳ 1 lớp 12 môn 2)/3;
- + M3 = (TB cả năm lớp 10 môn 3 + TB cả năm lớp 11 môn 3 + TB kỳ 1 lớp 12 môn 3)/3;
- + ĐU\acute{T}: Là điểm ưu tiên Khu vực và Đối tượng theo quy chế của Bộ Giáo dục và Đào tạo;
- + Điểm cộng XT: Là tổng điểm cộng cho các thí sinh ĐKXT thuộc các đối tượng sau:

a) Thí sinh là học sinh đoạt giải học sinh giỏi cấp tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương các môn trong tổ hợp xét tuyển của ngành ĐKXT; học sinh các trường chuyên; học sinh giỏi năm lớp 10, lớp 11 và học kỳ 1 năm lớp 12 được cộng điểm vào điểm xét tuyển như sau:

TT	Đối tượng	Điểm cộng XT
1	Giải Nhất cấp tỉnh	3
2	Giải Nhì cấp tỉnh	2.5
3	Giải Ba cấp tỉnh	2.0

<b>TT</b>	<b>Đối tượng</b>	<b>Điểm cộng XT</b>
4	Giải Khuyến khích cấp tỉnh	1.0
5	Học sinh giỏi năm lớp 10, 11 và học kỳ 1 năm lớp 12	1.0
6	Là học sinh lớp chuyên các môn chuyên trong tổ hợp xét tuyển	2.0
7	Là học sinh trường chuyên không thuộc lớp chuyên	1.0

b) Thí sinh đoạt giải trong các kỳ thi NCKH/KHKT cấp tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương được cộng điểm vào điểm xét tuyển đối với các ngành thuộc lĩnh vực tương ứng với nội dung giải của kỳ thi như sau:

<b>TT</b>	<b>Đối tượng</b>	<b>Điểm cộng XT</b>
1	Giải Nhất cấp tỉnh	2.0
2	Giải Nhì cấp tỉnh	1.5
3	Giải Ba cấp tỉnh	1.0

c) Thí sinh có chứng chỉ ngoại ngữ quốc tế còn thời hạn đến ngày xét tuyển được cộng điểm vào điểm xét tuyển như sau:

Ngôn ngữ	Loại chứng chỉ	Khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam		
		Bậc 3	Bậc 4	Bậc 5 trở lên
Tiếng Anh	IELTS	4.5 – 5.0	5.5 – 6.5	7 trở lên
	TOEFL Paper	477 – 510	513 – 547	550 trở lên
	TOEFL CBT	153 – 180	183 – 210	213 trở lên
	TOEFL IBT	53 – 64	65 – 78	79 trở lên
	TOEIC	601 – 700	701 – 900	901 trở lên
Tiếng Trung Quốc	HSK	Bậc 3	Bậc 4	Bậc 5 trở lên
Tiếng Hàn Quốc	TOPIK II	120-149	150-189	190 trở lên
Tiếng Nhật Bản	JLPT	N4	N3	N2 trở lên
Tiếng Đức	TestDaF	TestDaF bậc 3	TestDaF bậc 4	TestDaF bậc 5 trở lên
Tiếng Pháp	CTF	300 – 399	400 – 499	500 trở lên
<b>Điểm cộng XT</b>		<b>1.0</b>	<b>2.0</b>	<b>3.0</b>

### **2.3.3. Phương thức xét tuyển dựa vào kết quả kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2023**

Thí sinh ĐKXT theo hướng dẫn của Bộ GD&ĐT, thí sinh có chứng chỉ ngoại ngữ quốc tế được quy đổi điểm thành điểm thi môn ngoại ngữ trong tổ hợp đăng ký xét tuyển (nếu có nguyện vọng).

Ngôn ngữ	Loại chứng chỉ	Khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam		
		Bậc 3	Bậc 4	Bậc 5 trở lên
Tiếng Anh	IELTS	4.5 – 5.0	5.5 – 6.5	7 trở lên
	TOEFL Paper	477 – 510	513 – 547	550 trở lên
	TOEFL CBT	153 – 180	183 – 210	213 trở lên
	TOEFL IBT	53 – 64	65 – 78	79 trở lên
	TOEIC	601 – 700	701 – 900	901 trở lên
Tiếng Trung Quốc	HSK	Bậc 3	Bậc 4	Bậc 5 trở lên
Tiếng Hàn Quốc	TOPIK II	120-149	150-189	190 trở lên
Tiếng Nhật Bản	JLPT	N4	N3	N2 trở lên
Tiếng Đức	TestDaF	TestDaF bậc 3	TestDaF bậc 4	TestDaF bậc 5 trở lên
Tiếng Pháp	CTF	300 – 399	400 – 499	500 trở lên
<b>Điểm cộng XT</b>		<b>8.0</b>	<b>9.0</b>	<b>10</b>

### **2.3.4. Phương thức xét tuyển dựa vào kết quả kỳ thi đánh giá tư duy: gồm các ngành**

TT	Mã tuyển sinh	Tên ngành/Nhóm ngành	Tổ hợp xét tuyển
1	TLA119	Công nghệ sinh học	K01, K02
2	TLA109	Kỹ thuật môi trường	K01, K02
3	TLA118	Kỹ thuật hóa học	K01, K02
4	TLA106	Công nghệ thông tin	K01, K02
5	TLA116	Hệ thống thông tin	K01, K02
6	TLA117	Kỹ thuật phần mềm	K01, K02

TT	Mã tuyển sinh	Tên ngành/Nhóm ngành	Tổ hợp xét tuyển
7	TLA126	Trí tuệ nhân tạo và khoa học dữ liệu	K01, K02
8	TLA127	An ninh mạng	K01, K02
9	TLA105	Nhóm ngành Kỹ thuật cơ khí (gồm các ngành: Kỹ thuật cơ khí, Công nghệ chế tạo máy)	K01, K02
10	TLA123	Kỹ thuật Ô tô	K01, K02
11	TLA120	Kỹ thuật cơ điện tử	K01, K02
12	TLA112	Kỹ thuật điện	K01, K02
13	TLA121	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	K01, K02
14	TLA124	Kỹ thuật điện tử - viễn thông	K01, K02
15	TLA128	Kỹ thuật Robot và Điều khiển thông minh	K01, K02
16	TLA203	Ngôn ngữ Anh	K01, K02

#### **Mã tổ hợp xét tuyển:**

Mã tổ hợp	Danh sách môn
K01	Toán, Đọc hiểu, Khoa học tự nhiên
K02	Toán, Đọc hiểu, Tiếng Anh

#### **2.4. Chỉ tiêu tuyển sinh (dự kiến)**

- Tổng chỉ tiêu của cơ sở Hà Nội là 5500;
- Chỉ tiêu cho phương thức xét tuyển thẳng, phương thức xét tuyển theo kết quả học tập THPT (học bạ) không thấp hơn 50% tổng chỉ tiêu;
- Chỉ tiêu cho phương thức sử dụng kết quả kỳ thi đánh giá tư duy và phương thức xét tuyển theo điểm thi tốt nghiệp THPT không cao hơn 50% tổng chỉ tiêu.

#### **2.5. Ngưỡng bảo đảm chất lượng (ngưỡng điểm nhận hồ sơ ĐKXT)**

2.5.1. Phương thức xét tuyển dựa vào kết quả học tập THPT (học bạ):

TT	Mã tuyển sinh	Tên ngành/Nhóm ngành	Tổ hợp xét tuyển	Ngưỡng đảm bảo chất lượng
I	<b>Các ngành, nhóm ngành đào tạo bằng Tiếng Việt</b>			
1	TLA101	Kỹ thuật xây dựng công trình thủy	A00, A01, D01, D07	18.00
2	TLA104	Kỹ thuật xây dựng dân dụng và công nghiệp (Kỹ thuật xây dựng)	A00, A01, D01, D07	18.00

<b>TT</b>	<b>Mã tuyển sinh</b>	<b>Tên ngành/Nhóm ngành</b>	<b>Tổ hợp xét tuyển</b>	<b>Ngưỡng đảm bảo chất lượng</b>
3	TLA111	Công nghệ kỹ thuật xây dựng	A00, A01, D01, D07	18.00
4	TLA113	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông	A00, A01, D01, D07	18.00
5	TLA114	Quản lý xây dựng	A00, A01, D01, D07	18.00
6	TLA102	Kỹ thuật tài nguyên nước	A00, A01, D01, D07	18.00
7	TLA107	Kỹ thuật cấp thoát nước	A00, A01, D01, D07	18.00
8	TLA110	Xây dựng và quản lý hạ tầng đô thị (Kỹ thuật cơ sở hạ tầng)	A00, A01, D01, D07	18.00
9	TLA103	Tài nguyên nước và môi trường (Thủy văn học)	A00, A01, D01, D07	18.00
10	TLA119	Công nghệ sinh học	A00, A02, B00, D08	18.00
11	TLA109	Kỹ thuật môi trường	A00, A01, B00, D01	18.00
12	TLA118	Kỹ thuật hóa học	A00, B00, D07, C02	18.00
13	TLA106	Công nghệ thông tin	A00, A01, D01, D07	21.00
14	TLA116	Hệ thống thông tin	A00, A01, D01, D07	21.00
15	TLA117	Kỹ thuật phần mềm	A00, A01, D01, D07	21.00
16	TLA126	Trí tuệ nhân tạo và khoa học dữ liệu	A00, A01, D01, D07	21.00
17	TLA127	An ninh mạng	A00, A01, D01, D07	21.00
18	TLA105	Nhóm ngành Kỹ thuật cơ khí (gồm các ngành: Kỹ thuật cơ khí, Công nghệ chế tạo máy)	A00, A01, D01, D07	20.00
19	TLA123	Kỹ thuật Ô tô	A00, A01, D01, D07	20.00
20	TLA120	Kỹ thuật cơ điện tử	A00, A01, D01, D07	20.00
21	TLA112	Kỹ thuật điện	A00, A01, D01, D07	20.00
22	TLA121	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	A00, A01, D01, D07	20.00
23	TLA124	Kỹ thuật điện tử - viễn thông	A00, A01, D01, D07	20.00

TT	Mã tuyển sinh	Tên ngành/Nhóm ngành	Tổ hợp xét tuyển	Ngưỡng đảm bảo chất lượng
24	TLA128	Kỹ thuật Robot và Điều khiển thông minh	A00, A01, D01, D07	20.00
25	TLA401	Kinh tế	A00, A01, D01, D07	20.00
26	TLA402	Quản trị kinh doanh	A00, A01, D01, D07	20.00
27	TLA403	Kế toán	A00, A01, D01, D07	20.00
28	TLA404	Kinh tế xây dựng	A00, A01, D01, D07	20.00
29	TLA407	Logistics và quản lý chuỗi cung ứng	A00, A01, D01, D07	20.00
30	TLA406	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	A00, A01, D01, D07	20.00
31	TLA405	Thương mại điện tử	A00, A01, D01, D07	20.00
32	TLA408	Tài chính – Ngân hàng	A00, A01, D01, D07	20.00
33	TLA409	Kiểm toán	A00, A01, D01, D07	20.00
34	TLA410	Kinh tế số	A00, A01, D01, D07	20.00
35	TLA301	Luật	A00, A01, C00, D01	20.00
36	TLA302	Luật kinh tế	A00, A01, C00, D01	20.00
37	TLA203	Ngôn ngữ Anh	A01, D01, D07, D08	20.00
38	TLA204	Ngôn ngữ Trung Quốc	A01, D01, D07, D04	20.00
<b>II Chương trình tiên tiến đào tạo bằng tiếng Anh</b>				
1	TLA201	Kỹ thuật xây dựng (chương trình tiên tiến)	A00, A01, D01, D07	18.00

2.5.2. Phương thức xét tuyển dựa vào kết quả kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2023: Nhà Trường sẽ thông báo sau khi có kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2023.

2.5.3. Phương thức xét tuyển dựa vào kết quả kỳ thi đánh giá tư duy: Nhà Trường sẽ thông báo sau khi có kết quả thi đánh giá tư duy và kết quả kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2023.

## 2.6. Danh sách tổ hợp xét tuyển tương ứng với từng phương thức, từng ngành

Xét tuyển dựa vào kết quả thi TN THPT 2023		Xét tuyển kết quả học tập THPT (học bạ)	
Mã tổ hợp	Danh sách môn	Mã tổ hợp	Danh sách môn
A00	Toán, Vật lý, Hóa học	A00HB	Toán, Vật lý, Hóa học

<b>Xét tuyển dựa vào kết quả thi TN THPT 2023</b>		<b>Xét tuyển kết quả học tập THPT (học bạ)</b>	
<b>Mã tổ hợp</b>	<b>Danh sách môn</b>	<b>Mã tổ hợp</b>	<b>Danh sách môn</b>
A01	Toán, Vật lý, Tiếng Anh	A01HB	Toán, Vật lý, Tiếng Anh
A02	Toán, Vật lý, Sinh học	A02HB	Toán, Vật lý, Sinh học
B00	Toán, Hóa học, Sinh học	B00HB	Toán, Hóa học, Sinh học
D01	Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh	D01HB	Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh
D07	Toán, Hóa học, Tiếng Anh	D07HB	Toán, Hóa học, Tiếng Anh
D08	Toán, Sinh học, Tiếng Anh	D08HB	Toán, Sinh học, Tiếng Anh
C00	Ngữ Văn, Lịch Sử, Địa lý	C00HB	Ngữ Văn, Lịch Sử, Địa lý
C02	Toán, Ngữ văn, Hóa học	C02HB	Toán, Ngữ văn, Hóa học
<b>Xét tuyển thẳng</b>		<b>Xét tuyển sử dụng kết quả thi đánh giá tư duy</b>	
<b>Mã tổ hợp</b>	<b>Danh sách môn</b>	<b>Mã tổ hợp</b>	<b>Danh sách môn</b>
XTT	Xét tuyển thẳng	K01	Toán, Đọc hiểu, Khoa học tự nhiên
		K02	Toán, Đọc hiểu, Tiếng Anh

## 2.7 Tổ chức tuyển sinh

2.7.1 *Phương thức xét tuyển thẳng*: Theo lịch và hướng dẫn của Bộ GD&ĐT.

2.7.2 *Phương thức xét tuyển dựa vào kết quả học tập THPT (học bạ)*

- Thí sinh ĐKXT trực tuyến trên hệ thống tuyển sinh trực tuyến của Nhà trường (<http://dkxtdh.tlu.edu.vn>);
- Thời gian ĐKXT: từ ngày 27/03/2023 (chi tiết sẽ thông báo sau).

2.7.3 *Xét tuyển dựa vào kết quả thi tốt nghiệp THPT*: Theo lịch của Bộ GD&ĐT.

2.7.4 *Xét tuyển dựa vào kết quả kỳ thi đánh giá tư duy*: Theo lịch và hướng dẫn của Nhóm các Trường.

## 2.7.5 Nguyên tắc xét tuyển

- Xét tuyển theo điểm từ trên xuống đến hết chỉ tiêu, không phân biệt thứ tự nguyện vọng và tổ hợp đăng ký xét tuyển.

- Thí sinh đã trúng tuyển nguyện vọng phía trên không được xét các nguyện vọng tiếp theo.
- Điểm xét tuyển được làm tròn đến 2 chữ số thập phân.
- Điểm trúng tuyển được xác định theo từng ngành.
- Trong trường hợp nhiều thí sinh đạt cùng ngưỡng điểm trúng tuyển thì thứ tự ưu tiên là môn Toán; Riêng các ngành Ngôn ngữ Anh, Ngôn ngữ Trung Quốc ưu tiên môn Ngoại ngữ; các ngành Luật, Luật kinh tế ưu tiên môn Toán hoặc môn Ngữ văn.

## **2.8. Chính sách ưu tiên**

- Nhà trường áp dụng chính sách ưu tiên khu vực và đối tượng theo quy định tại Thông tư 08/2022/TT-BGDDT của Bộ GD&ĐT.

- Thí sinh đoạt giải kỳ thi học sinh giỏi cấp tỉnh, học sinh các trường chuyên, học sinh giỏi 3 năm trung học phổ thông hoặc có chứng chỉ ngoại ngữ, được cộng điểm ưu tiên xét tuyển cho từng đối tượng theo mục 2.3.2 và 2.3.3.

## **2.9. Lệ phí xét tuyển**

- Phương thức xét tuyển thẳng, xét tuyển dựa vào kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2023, xét tuyển dựa vào kết quả kỳ thi đánh giá tư duy: 20.000đ/1 nguyện vọng.

- Phương thức xét tuyển dựa vào kết quả học THPT (học bạ): 50.000đ/1 hồ sơ

**Thông báo này thay cho thông báo số 179/TB-ĐHTL ngày 27/2/2023.**

**Trường Đại học Thủy lợi trân trọng thông báo!**

**Noi nhận:**

- ĐU, HĐT, BGH;
- Các đơn vị trong toàn trường;
- BBT website và mxh;
- Lưu VT, PĐT, (NTH.10b).

**HIỆU TRƯỞNG**

**(Đã ký)**

**GS.TS Trịnh Minh Thủ**